TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 143/2019/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 13 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1637/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Ngọc T - sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Số 60/28 Đường Q, khu phố A, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Phi Y – sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Số 112 Lô D, cư xá T, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa Ông Lê Ngọc T và Bà Trần Thị Phi Y là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 09, quyển số: I/2003 ngày 12/3/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Bình An, Quận 02, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 26/11/2018 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01/02/2018, Ông Lê Ngọc T và Bà Trần Thị Phi Y yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Ông Lê Ngọc T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc M, đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng; Bà Trần Thị Phi Y yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê V đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Ông T cấp dưỡng và thỏa thuận về việc không yêu cầu không có tài sản chung, không có nợ chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy Ông Lê Ngọc T và Bà Trần Thị Phi Y thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không có tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận Ông Lê Ngọc T và Bà Trần Thị Phi Y thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 09, quyển số: I/2003 ngày 12/3/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Bình An, Quận 02 hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc M, sinh ngày 17/4/2003 cho Ông Lê Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Giao con chung tên Lê V, sinh ngày 29/10/2004 cho Bà Trần Thị Phi Y trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Bà Trần Thị Phi Y, Ông Lê Ngọc T cho đến khi Ông T, bà Y có yêu cầu.

Bà Trần Thị Phi Y, Ông Lê Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có, nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Ngọc T và Bà Trần Thị Phi Y phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2018/0001602 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND phường Bình An, Quận 02;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Huy Hoàng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].